

Hướng dẫn thủ tục làm đơn xin gia hạn thời gian lưu trú (dành cho Ứng viên EPA)

Các Ứng viên Điều dưỡng và Hộ lý sang Nhật theo chương trình EPA đang được phép lưu trú tại Nhật với tư cách lưu trú là “Hoạt động đặc định” (“TOKUTEI KATSUDO”) trong thời hạn 1 năm và cần phải gia hạn thời gian lưu trú tại Cục quản lý xuất nhập cảnh gần nhất nơi ở trước ngày hạn dưới đây:

Ứng viên Điều dưỡng và Hộ lý khóa 2 (Nhập cảnh vào tháng 5 năm 2015)

→Trước ngày hạn: 27/05/2018

Ứng viên Điều dưỡng và Hộ lý khóa 3 (Nhập cảnh vào tháng 5 năm 2016)

→Trước ngày hạn: 26/05/2018

Ứng viên Điều dưỡng và Hộ lý khóa 4 (Nhập cảnh vào tháng 5 năm 2017)

→Trước ngày hạn: 25/05/2018

Thủ tục gia hạn thời gian lưu trú có thể bắt đầu từ 3 tháng trước tính từ ngày hết hạn lưu trú. Trong các loại giấy tờ có cả giấy tờ mà cơ sở phải chuẩn bị nên hãy bắt đầu chuẩn bị thủ tục sớm. Hãy đến quầy Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương (các chi cục, chi nhánh) thuộc Bộ Tư pháp để nộp các loại giấy tờ như dưới đây.

【Các loại giấy tờ cần thiết khi làm đơn】

※Tất cả giấy tờ mới cấp trong vòng 3 tháng tính từ ngày phát hành.

1. Đơn xin gia hạn thời gian lưu trú

※ Mẫu đơn có thể tải xuống từ trang nhà của Bộ Tư pháp dưới đây.

(<http://www.moj.go.jp/ONLINE/IMMIGRATION/16-3-1.html>)

Hãy điền vào mẫu đơn của 「16. 上記以外の在留資格・入国目的」 (Tư cách lưu trú và mục đích nhập cảnh ngoài tư cách và mục đích nêu trên). Trong mục 「17.活動内容」 (Nội dung hoạt động), hãy tích 「EPA 看護師候補者・介護福祉士候補者」 (Ứng viên Điều dưỡng và Hộ lý EPA).

本用紙はベトナム人候補者へお渡しください。

~3-1.html

(印) 訳字, モデル

9 【留学】
【PDF形式】 【EXCEL形式】
○ 留学
(印) 留学生, 日本語学校生

10 【研修】
【PDF形式】 【EXCEL形式】
○ 研修
(印) 研修生

11 【家族滞在・特定活動(ハ)・特定活動(EPA家族)】
【PDF形式】 【EXCEL形式】
○ 雇用, 就職を目的とする者, 文化活動又は留学の在留資格を有する者の扶養を受けること
(印) 就労資格などで日本に在留する方の扶養者の方

12 【技能実習(1号)・技能実習(2号)】
【PDF形式】 【EXCEL形式】
○ 技能実習
(印) 技能実習生

13 【日本人の配偶者等】・【永住者の配偶者等】・【定住者】
【PDF形式】 【EXCEL形式】
○ 日本人, 永住者等との婚姻関係, 親子関係等に基づく親での居住
(印) 日本人の配偶者, 日弁二世, 日弁三世

14 【特定活動(医療滞在)】
【PDF形式】 【EXCEL形式】
○ 医療滞在
(印) 入院予定の患者, 付添人

15 上記以外の在留資格・入国目的
【PDF形式】 【EXCEL形式】
(印) 弁護士, 医師, アマチュアスポーツ選手など

Hãy ấn mục “Hình thức PDF” hoặc “Hình thức EXCEL” để tải xuống mẫu đơn.

Hãy tích vào đây.

申請人等作成用 2 U (その他) 在留期間更新・在留資格変更
For applicant, part 2 U (Others) For extension of stay or change of status

17 活動の種別 Type of activity
☐ 外交 Diplomat
☐ 公用 Official
☐ 弁護士 Lawyer
☐ 公認会計士 Public accountant
☐ 医師 Doctor
☐ その他法律・会計業務 Other legal / accounting services
☐ その他医療関係業務 (EPA看護師・介護福祉士, EPA看護師候補者・介護福祉士候補者, EPA就学介護福祉士候補者を除く。) Other medical services (except Nurse and Certified Careworker under EPA, Nurse and Certified Careworker Candidates under EPA, Nurse and Certified Careworker Candidates (student) under EPA.)
()
☐ 家事使用人 Housekeeper
☐ ワーキング・ホリデー Working holiday
☐ アマチュアスポーツ選手 Amateur athlete
☐ 家族と同居 (外交官の家族を含む。) Living together with the family (including diplomat's family)
☐ インターンシップ Internship
☐ EPA看護師・介護福祉士, EPA看護師候補者・介護福祉士候補者, EPA就学介護福祉士候補者, Nurse and Certified Careworker under EPA, Nurse and Certified Careworker Candidates under EPA, Certified Careworker Candidates (student) under EPA
☐ その他 Others
(17で選択した区分に応じ以下の項目について記入してください。)
(Fill in the following items in accordance with your answer to the question 17.)
○外交, 公用, 弁護士, 公認会計士又はその他法律・会計業務を選択した場合
Diplomat, Official, Lawyer, Public accountant or Other legal / accounting services
Fill in the questions 18, 23 and signature.
○医師又はその他医療関係業務を選択した場合 (EPA看護師・介護福祉士, EPA看護師候補者・介護福祉士候補者, EPA就学介護福祉士候補者を除く。)
Doctor, Other medical services (except Nurse and Certified Careworker under EPA, Nurse and Certified Careworker Candidates under EPA, Nurse and Certified Careworker Candidates (student) under EPA)
Fill in the questions 18, 19, 23 and signature.
○家事使用人又は家族と同居を選択した場合
Housekeeper, Living together with the family
Fill in the question 23 and signature.
○ワーキング・ホリデー又はその他を選択した場合
Working holiday, Others
Fill in the questions 22, 23 and signature.
○アマチュアスポーツ選手を選択した場合
Amateur athlete
Fill in the questions 18, 20, 23 and signature.
○インターンシップを選択した場合
Internship
Fill in the questions 21, 23 and signature.
○EPA看護師・介護福祉士, EPA看護師候補者・介護福祉士候補者, EPA就学介護福祉士候補者を選択した場合
Nurse and Certified Careworker under EPA, Nurse and Certified Careworker Candidates under EPA, Certified Careworker Candidates (student) under EPA
Fill in the questions 18, 19, 22, 23 and signature.

18 勤務先又は通学先 Place of employment or school ※ 印及び印に「A」または「B」を記入し、主たる勤務場所の所在地及び電話番号を記載すること。
For sub-items (2) and (3), give the address and telephone number of your principal place of employment.
(1) 名称 Name
(2) 所在地 Address
(3) 電話番号 Telephone No.

19 最終学歴 Education (last school or institution)
(1) 学校名 Name of school
(2) 卒業年月 Date of graduation 年 Year 月 Month

20 経歴 Record

2. Bức ảnh (Dài 4cm×Ngang 3cm) không có phong nền 1 tấm

3. Hộ chiếu và Thẻ lưu trú

4. Giấy chứng nhận thuế (hoặc miễn thuế) lưu trú và Giấy chứng nhận nộp thuế (Có ghi rõ tổng thu nhập trong 1 năm và tình hình nộp thuế.) 1 tờ

Cơ sở tiếp nhận sẽ chuẩn bị giúp cho bạn.

5. Giấy chứng nhận tại chức hoặc Bản sao của hợp đồng lao động 1 tờ

※Trong trường hợp nộp Giấy chứng nhận tại chức, hãy yêu cầu cơ sở tiếp nhận cấp phát.

6. Văn bản chứng nhận nội dung, địa điểm, thời gian và quá trình tiến hành công việc và học tập 1 tờ

Yêu cầu cơ sở tiếp nhận cấp phát.

Trong trường hợp không làm đơn trước thời hạn thì sẽ bị coi là lưu trú bất hợp pháp. Bản hướng dẫn này cũng được gửi đến cơ sở tiếp nhận. Nếu bạn có thắc mắc gì, hãy hỏi người phụ trách của cơ sở tiếp nhận.